

Bản án số:30/2017/DS - ST

Ngày:15 /9 /2017.

“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hữu

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Vịnh

Ông Lâm Kim Mến

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Võ Anh Thảo, thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2017/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2017, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2017/QĐST – DS ngày 11 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị T, sinh năm 1950.(Có mặt)

Địa chỉ: Số 83 ấp D, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Trương Thị T: Từ năm 2011 đến năm 2015 bà có cho con bà là ông Nguyễn Văn N mượn tiền nhiều lần tổng cộng là 26.300.000 đồng. Bà có đòi nhiều lần nhưng ông N không trả nên bà có làm đơn yêu cầu tổ hòa giải ấp D, xã T hòa giải, tại buổi hòa giải ông Nguyễn Văn N thừa nhận có nợ bà 26.300.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên ông N hứa sẽ trả cho bà mỗi ngày 50.000 đồng cho đến khi dứt nợ thời gian bắt đầu trả là từ tháng 02 âm lịch năm 2007. Nhưng từ đó đến nay ông N không thực hiện.

Nay bà Trương Thị T yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn N trả cho bà số tiền nợ là 26.300.000 đồng.

- Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn N sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý cho ông N, nhưng ông N không có ý kiến trả lời gửi cho Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến của ông N.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Văn N vắng mặt. Xét thấy, ông N đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là ông Nguyễn Văn N.

2/ Về nội dung vụ án:

Từ năm 2011 đến năm 2015 bà có cho con bà là ông Nguyễn Văn N mượn tiền nhiều lần tổng cộng là 26.300.000 đồng. Bà có đòi nhiều lần nhưng ông N không trả nên bà có làm đơn yêu cầu tổ hòa giải ấp D, xã T hòa giải, tại buổi hòa giải ông Nguyễn Văn N thừa nhận có nợ bà 26.300.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên ông N hứa sẽ trả cho bà mỗi ngày 50.000 đồng cho đến khi dứt nợ thời gian bắt đầu trả là từ tháng 02 âm lịch năm 2007. Nhưng từ đó đến nay ông N không thực hiện.

Nay bà Trương Thị T yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn N trả cho bà số tiền nợ là 26.300.000 đồng,

Bị đơn ông Nguyễn Văn N đã được tổng đạt thông báo thụ lý và vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa hôm nay nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Về chứng cứ: Bà Trương Thị T cung cấp biên bản hòa giải cơ sở ngày 06/8/2016 do tổ hòa giải ấp D, xã T. Tại biên bản hòa giải này ông Nguyễn Văn N thừa nhận có nợ bà Trương Thị T số tiền 26.300.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên ông N hứa sẽ trả cho bà mỗi ngày 50.000 đồng cho đến khi dứt nợ thời gian bắt đầu trả là qua tết âm lịch năm 2007.

Xét thấy, khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho Nguyễn Văn N nhưng ông N không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu của bà Trương Thị T như vậy theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì bà T không cần phải chứng minh.

Ông Nguyễn Văn N vay tiền của bà Trương Thị T 26.300.000 đồng nhưng không trả cho bà Th là vi phạm khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, nguyên đơn bà Trương Thị T khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông Nguyễn Văn N trả số tiền vay là 26.300.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T

Buộc ông Nguyễn Văn N trả cho bà Trương Thị T số tiền nợ vay là 26.300.000 đồng (Hai mươi sáu triệu ba trăm ngàn đồng).

Khi bản án có hiệu lực và bà Trương Thị T có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Nguyễn Văn N không thanh toán số tiền nêu trên cho bà Thánh thì ông N còn phải chịu thêm lãi chậm trả với lãi suất là 10%/năm trên số nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn N phải chịu là 1.315.000 đồng, bà Trương Thị T được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 657.000 đồng theo biên lai thu số 0005300 ngày 12/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

3/Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với người vắng mặt thì thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai) để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

4/Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thành Hữu